TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Ngọc Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Ông Phan Chí Thiện.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mộng T, sinh năm 1987; địa chỉ: đường N, Tổ M, Khu phố N, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Lê Thành T, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/6/2019, lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Thành T chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/02/2012. Hôn nhân giữa bà T và ông T là tự nguyện. Sau khi kết hôn và trong quá trình chung sống, hai vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống trái ngược nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay

hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, bà T đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Thành T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Đại L, sinh ngày 22/4/2012. Khi ly hôn bà đề nghị được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Lê Thành T trình bày: Ông T và bà T chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau. Ông T và bà T đã sống ly thân với nhau. Nay trước yêu cầu xin ly hôn của bà T thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lê Đại L, sinh ngày 22/4/2012. Khi ly hôn ông đồng ý cho bà T được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T, bị đơn ông Lê Thành T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một phát biểu như sau:

+ Về tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T về việc ly hôn với ông Lê Thành T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T, bị đơn ông Lê Thành T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T, ông T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Mộng T, bị đơn ông Lê Thành T: Bà T, ông T chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 20/02/2012, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Do đó, hôn nhân giữa bà T và ông T được pháp luật công nhận là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống giữa bà T, ông T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống trái ngược nhau, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay giữa bà T, ông T đã sống ly thân với nhau. Vì vậy, bà T, ông T đều có nguyện vọng được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T, ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do đó, bà T yêu cầu xin ly hôn với ông T là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về con chung: Cháu Lê Đại L, sinh ngày 22/4/2012. Hiện cháu L đang ở với bà T và có nguyện vọng được sống với mẹ là bà T, bà T có nguyện vọng được nuôi con chung, ông T đồng ý để cho bà T nuôi con chung. Do đó, yêu cầu được nuôi con chung của bà T là có căn cứ chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mộng T đối với ông Lê Thành T.

[3] Xét Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên, nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Mộng T phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; các Điều 227, 266, 267 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mộng T đối với bị đơn ông Lê Thành T về việc "ly hôn" như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mộng T được ly hôn với ông Lê Thành T.

- Về con chung: Bà Trần Thị Mộng T được quyền nuôi dưỡng cháu Lê Đại L, sinh ngày 22/4/2012.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau này khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mộng T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0034306 ngày 26/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND xã T. H. C
Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Văn Thị Ngọc Hương